TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2020/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Thư ký phiên họp: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lý Thị K, sinh năm: 1976, địa chỉ: Bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Minh Đ - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1995, địa chỉ: Bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

+ Chị Vàng Thị B, sinh năm: 1993, địa chỉ: Bản Nậm X, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là bà Lý Thị K trình bày:

Bà Lý Thị K là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn T. Anh Hoàng Văn T, sinh ngày 15/8/1995 và chị Vàng Thị B, sinh ngày 15/6/1993, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu ngày 20/02/2013. Khi đi đăng ký kết hôn, do biết mình chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh T đã cung cấp sổ hộ khẩu cũ của gia đình và khai anh sinh ngày 08/10/1992 để tăng số tuổi của mình lên. Hiện nay, sổ hộ khẩu cũ của gia đình anh T đã bị thất lạc, không tìm thấy. Việc anh T và chị B đăng ký kết hôn ngày 20/02/2013, tại Ủy ban nhân dân xã N đã vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên bà Lý Thị K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 13/2013, ngày 20/02/2013 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã N, người đại diện theo pháp luật là ông Hà Minh Đồng, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đề nghị Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B theo đúng quy định của pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, B bản lấy lời khai và đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B đều trình bày: Anh T và chị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2013, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Khi đi đăng ký kết hôn, anh T chưa đủ tuổi kết hôn đúng như lời khai của bà Lý Thị K. Từ khi kết hôn đến nay, anh T và chị B sống hạnh phúc với nhau, cả hai đều mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình nên anh T và chị B yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi anh T đủ tuổi kết hôn là ngày 16/8/2014 theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã N cho thấy anh Hoàng Văn T có ngày tháng năm sinh chính xác là ngày 15/8/1995. Tính đến ngày đăng ký kết hôn là ngày 20/02/2013, anh T mới được 17 tuổi 06 tháng 05 ngày. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã N đã căn cứ vào lời khai, sổ hộ khẩu cũ của gia đình của anh T để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà không yêu cầu cung cấp thêm giấy tờ tùy thân khác để xác định chính xác ngày, tháng, năm sinh của anh T nên dẫn đến sai xót như trên. Hiện nay, tại Ủy ban nhân dân xã N chỉ có sổ theo dõi đăng ký kết hôn, ngoài ra, không còn lưu giữ tài liệu gì về việc đăng ký kết hôn cho anh T, chị B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy đinh của pháp luật; người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy đinh của pháp luật; người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Về giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 361, 362, 366, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lý Thị K, hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B từ ngày 20/02/2013 đến ngày 15/8/2014. Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B, công nhận quan hệ hôn nhân của Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B kể từ thời điểm anh T đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 16/8/2014. Các đương sự thuộc trường hợp được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên họp, Tòa án nhân huyện Phong Thổ nhận định:

[1] Bà Lý Thị K là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn T nên bà K có quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký kết hôn giữa anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lời và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 238, 361; 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là bà Lý Thị K: Anh Hoàng Văn T, sinh ngày 15/8/1995 và chị Vàng Thị B, sinh ngày 15/6/1993 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu ngày 20/02/2013. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh T mới được 17 tuổi 6 tháng 05 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên. Vì vậy, việc bà Lý Thị K yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị B theo giấy chứng nhận kết

hôn số 13/2013 ngày 20/02/2013 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì anh Hoàng Văn T đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn. Anh T và vợ là chị Vàng Thị B đang chung sống hạnh phúc, anh chị đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình và yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị, kể từ thời điểm anh T đủ tuổi kết hôn là ngày 16/8/2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án xét thấy yêu cầu của anh T, chị B là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Lý Thị K, anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều: 10, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 238, 361, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Lý Thị K. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 13/2013, ngày 20/02/2013 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B kể từ thời điểm anh Hoàng Văn T đủ tuổi kết hôn là ngày 16/8/2014.

3. Về lệ phí Tòa án: Bà Lý Thị K, Hoàng Văn T và chị Vàng Thị B được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Người yêu cầu;
- Người có QL,NVLQ;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Hạnh